

Số: 347/2026/ĐST-HNGĐ *Đồng Tháp, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 685/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Mai Thị Ngọc H**, sinh năm 1998; CCCD số 044198004330, cấp ngày 22/8/2023; Địa chỉ: **Thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị**.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Vũ L**, sinh năm 1998; CCCD số 087098008611, cấp ngày 15/9/2022; Địa chỉ: **số E, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/10/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Mai Thị Ngọc H** với anh **Nguyễn Vũ L**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị **Mai Thị Ngọc H** và anh **Nguyễn Vũ L** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị **Mai Thị Ngọc H** được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 26/4/2021. Chị **Mai Thị Ngọc H** không yêu cầu anh **Nguyễn Vũ L** cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Mai Thị Ngọc H** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **Nguyễn Vũ L** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung: Chị **Mai Thị Ngọc H** và anh **Nguyễn Vũ L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị **Mai Thị Ngọc H** và anh **Nguyễn Vũ L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí; tạm ứng án phí: Chị **Mai Thị Ngọc H** tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004745, ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả lại cho chị **Mai Thị Ngọc H** số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34 và 36 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp ;
- UBND xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (biết)
- (Giấy CNKH số 47/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Lê Quan Nam